

Số: 264/2021/QĐST-HNGĐ

Đức Hòa, ngày 26 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 446/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tổng Thị T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh T Hóa.

Tạm trú: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: thôn X, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tạm trú: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tổng Thị T và anh Vũ Văn C.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Chị Tổng Thị T và anh Vũ Văn C tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: chị Tổng Thị T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Vũ Minh H, sinh ngày: 29/12/2012. Anh Vũ Văn C được quyền nuôi dưỡng con chung tên Vũ Việt Q, sinh ngày 04/01/2009. Chị T và anh C không phải cấp dưỡng nuôi

con do các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Tổng Thị T tự nguyện chịu 150.000đồng án phí thuận tình ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007556 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Hoàn lại cho chị T 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- UBND xã Hà Bắc, huyện Hà Trung
Tỉnh T Hóa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải An

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).